

Số: 20 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 13 tháng 4 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Thông báo số 240/TB-UBND ngày 06/4/2026 thông báo kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 03/4/2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1947/TTr-STC ngày 20/3/2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**


1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 / 4 /2026.

2. Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 69/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 19/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP, T). 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Thanh An**

## QUY CHẾ

### Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2026/QĐ-UBND ngày 13 /4 /2026  
của UBND tỉnh Nghệ An)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

### Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hằng năm ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 9 của Quy chế này.

3. Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và dự phòng rủi ro tối đa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 của Quy chế này.

### Điều 3. Xây dựng kế hoạch vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách về tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo dự kiến kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho vay gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách địa phương (từ nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguồn ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn) để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh**

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương**

1. Hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính và Chi nhánh NHCSXH tỉnh ký hợp đồng ủy thác. Căn cứ hợp đồng ủy thác và đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thủ tục chuyển vốn ủy thác bằng lệnh chi tiền.

2. Vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh hạch toán chi Ngân sách nhà nước theo Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 6. Đối tượng cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay**

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách tín dụng ưu đãi ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 7. Điều kiện được vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay**

Thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

### **Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

## **Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

1. NHCSXH quản lý, hạch toán và phân bổ số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hoạt động đối với NHCSXH và các văn bản liên quan của cấp có thẩm quyền;

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh;

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh NHCSXH tỉnh nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh:

- Trích 3,5% số tiền lãi thu được để chi cho hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh (gồm: Chi hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất; chi hoạt động sơ kết, tổng kết, họp giao ban Hội, đoàn thể, họp Ban đại diện Hội đồng quản trị định kỳ hoặc đột xuất; chi công tác thi đua khen thưởng cho Ban đại diện Hội đồng quản trị, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, tổ tiết kiệm và vay vốn, các đơn vị khác có thành tích phát động thi đua hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất và các nội dung chi khác theo quy định pháp luật) và các Sở, ngành, đơn vị liên quan (gồm: Các hoạt động kiểm tra, giám sát; phối hợp thẩm định, xử lý nợ và nội dung chi khác theo quy định pháp luật).

- Trích 0,5% số tiền lãi thu được để chi cho hoạt động của Sở Tài chính, gồm: Chi hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất; chi cho hoạt động ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh; chi công tác lập và thẩm định hồ sơ xử lý nợ rủi ro và các nội dung chi khác theo quy định của pháp luật.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi một số nội dung cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Chi hoạt động kiểm tra, giám sát; hoạt động sơ kết, tổng kết, họp giao ban; chi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, đào tạo tập huấn; công tác phí: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025) và Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An;

b) Chi khen thưởng cho đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác nhận ủy thác nguồn vốn vay: Mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Ngoài ra, đối với các đơn vị và cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc về quản lý vốn vay (chỉ tiêu tiến độ giải ngân vốn, chỉ tiêu nợ quá hạn, khoanh nợ, xoá nợ,...): Trường Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh quyết định mức chi khen thưởng cao hơn mức chi nêu trên.

c) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền: Mức chi căn cứ hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

d) Chi làm thêm giờ: Mức chi theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

đ) Các khoản chi liên quan khác (nếu có).

3. Giao Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh phê duyệt các khoản chi; thực hiện các thủ tục, hồ sơ, hạch toán và thanh toán theo quy định đối với các khoản chi cho hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh tại điểm c khoản 1 Điều này.

### **Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH: Sau khi áp dụng mọi biện pháp xử lý theo quy định mà không thu hồi được nợ, trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm định và thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

3. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác.

a) Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh;

b) Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ Dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

### **Điều 11. Chế độ báo cáo**

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh lập, báo cáo nhu cầu bố trí vốn ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy định liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tình hình nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

### **Điều 12. Hạch toán, kế toán, theo dõi cho vay**

Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm theo dõi nguồn vốn, dư nợ cho vay, đối tượng cho vay và mục đích sử dụng nguồn vốn vay của các đối tượng vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh, đồng thời ghi chép, hạch toán vào tài khoản riêng và quyết toán theo quy định của Tổng Giám đốc NHCSXH.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

##### **1. Sở Tài chính**

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể về tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh trên địa bàn;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật (bao gồm trường hợp quy mô đột xóa nợ vượt quá số dư dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác tại địa phương và những trường hợp bị rủi ro theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này);

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng tiền lãi cho vay tại Điều 9 Quy chế này.

##### **2. Các Sở, ngành có liên quan**

a) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với từng chương trình tín dụng liên quan lĩnh vực phụ trách;

b) Căn cứ khoản vay bị rủi ro thuộc từng chương trình tín dụng liên quan đến lĩnh vực phụ trách, các Sở, ngành phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro và các nội dung có liên quan.

### 3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

### 4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Thực hiện Chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;

đ) Hàng quý, thực hiện phân phối tiền lãi theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Quy chế này.

### 5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra và xác nhận các trường hợp vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, nợ của khách hàng đi khỏi nơi cư trú; hướng dẫn đối tượng được vay vốn lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

### 6. Trách nhiệm của các đối tượng vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

## **Điều 14. Xử lý chuyển tiếp**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương đã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay theo Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 và Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng theo Quy chế này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với Quỹ Dự phòng rủi ro địa phương đã được trích lập từ nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh trước khi Quy chế này có hiệu lực được tiếp tục giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý để xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 15. Xử lý vi phạm**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

